

Số: 25/QĐ-THTG

Tuần Giáo, ngày 18 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập, bổ sung giao dự toán chi ngân sách năm 2026 để thực hiện chính sách nghỉ theo NĐ 154/2026, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 của trường Tiểu học Tuần Giáo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 (đợt 6);

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đợt 3)

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập, bổ sung giao dự toán chi ngân sách năm 2026 để thực hiện chính sách nghỉ theo NĐ 154/2026, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 của trường tiểu học Tuần Giáo (chi tiết như biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 18/9/2026 đến 17/10/2026 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng trường Tiểu học Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Đặng Thị Hoà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-THTG ngày 18/09/2026 của Trường TH Tuấn Giáo)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	



-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	45.337.876.698
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.802.904.538
3.1.1	Điều chuyển dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập (nguồn 12)	3.323.224.000
3.1.2	Điều chuyển dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập (nguồn 18)	1.492.808.000
3.1.3	Điều chỉnh, BS dự toán chi thường xuyên (tăng giờ, nghỉ theo ND 154)	986.872.538
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	39.534.972.160
3.2.1	Điều chuyển dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập	39.158.972.160
3.2.1	Điều chỉnh, BS dự toán chi thường xuyên	376.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tuần Giáo, Ngày 18 tháng 09 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Hoà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1001 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026
của các cơ sở giáo dục công lập do sáp nhập**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 13316/BTC-NSNN ngày 25/8/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi sắp xếp cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc sáp nhập Trường Mầm non Tuần Giáo, Trường Mầm non 20/7, Trường Mầm non Quài Cang, Trường Mầm non Quài Nưa và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc sáp nhập Trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo, Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo, Trường Tiểu học Quài Cang, Trường Tiểu học số 2 Quài Cang, Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa và Trường Tiểu học số 2 Quài Nưa thành Trường Tiểu học Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc sáp nhập Trường Trung học cơ sở Tuần Giáo, Trường Trung học cơ sở Quài Cang, Trường Trung học cơ sở Quài Nưa thành Trường Trung học cơ sở Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 và các Quyết định bổ sung trong năm 2026 cho các cơ sở giáo dục;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Tuần Giáo tại Tờ trình số 277/TTr-PKT ngày 09/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách đã giao năm 2026 của 11 cơ sở giáo dục công lập để điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách năm 2026 cho 3 cơ sở giáo dục công lập; tổng kinh phí điều chỉnh là **103.422.965.580 đồng**

(Bằng chữ: Một trăm linh ba tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

(Chi tiết như Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Các trường: Mầm non Tuần Giáo, Tiểu học Tuần Giáo, Trung học cơ sở Tuần Giáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan xác định số kinh phí đã chi, kinh phí còn lại tiếp tục thực hiện của đơn vị; đồng thời thực hiện điều chỉnh kinh phí đã chi của các đơn vị trước sáp nhập từ 01/01/2026 đến 31/8/2026 chưa thực hiện quyết toán năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quàng Văn Cường



THÔNG TƯ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP DO SÁP NHẬP
(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-LUBND ngày 10/9/2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

STT	Nội dung	Nguồn	Điều chỉnh giảm (các đơn vị trước sáp nhập)										Điều chỉnh tăng (các đơn vị sau sáp nhập) (1)				
			Tổng số	Trường MN Quỳ Càng	Trường MN Quỳ Nua	Trường MN Sơn Ca	Trường TH Quỳ Càng	Trường TH 2 Quỳ Càng	Trường TH 2 Quỳ Nua	Trường TH 1 Quỳ Nua	Trường THCS Quỳ Càng	Trường THCS Quỳ Nua	Tổng số	Trường MN Tuần Giáo	Trường TH Tuần Giáo	Trường THCS Tuần Giáo	
	MĐ ĐVQHNS		1099370	822	071	071	822	822	822	822	822	822	822	822	1097937	1097937	1097939
	Chương														822	822	822
	Khoản			071				072		072		072	073		071	072	073
	TỔNG SỐ		103.422.965.580	4.088.407.000	14.270.492.880	9.797.674.000	5.410.419.890	5.680.423.000	13.104.417.000	9.117.307.500	10.687.726.660	5.425.136.000	14.710.641.000	11.130.326.650	33.566.993.770	44.015.004.160	25.840.967.650
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG		103.323.965.580	4.082.407.000	14.256.492.880	9.788.674.000	5.404.419.890	5.674.423.000	13.093.417.000	9.109.307.500	10.678.726.660	5.419.136.000	14.696.641.000	11.120.326.650	33.531.993.770	43.975.004.160	25.816.967.650
1	Kinh phí thường xuyên	13	89.168.381.580	3.682.516.000	11.436.663.880	8.289.152.000	4.461.571.890	4.840.423.000	11.698.480.000	8.244.183.500	9.510.728.660	4.865.157.000	12.563.106.000	9.576.399.650	89.168.381.580	39.158.972.160	22.139.595.650
	- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp		77.818.933.000	3.354.078.000	10.482.879.000	6.417.582.000	4.092.533.000	4.469.428.000	10.915.059.000	7.473.773.000	7.356.881.000	4.513.415.000	11.555.305.000	7.188.000.000	77.818.933.000	34.728.556.000	18.743.305.000
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		9.338.448.580	206.438.000	679.784.880	1.693.570.000	240.038.890	241.995.000	556.421.000	598.410.500	1.975.847.660	229.742.000	740.801.000	2.175.399.650	9.338.448.580	2.819.831.770	2.916.200.650
	- Chi thường xuyên khác (Định mức phân bổ theo biên chế)		2.011.000.000	122.000.000	274.000.000	178.000.000	129.000.000	129.000.000	227.000.000	172.000.000	178.000.000	122.000.000	267.000.000	213.000.000	2.011.000.000	703.000.000	480.000.000
2	Kinh phí không thường xuyên	12	10.739.308.000	233.770.000	2.384.580.000	1.228.710.000	770.560.000	618.490.000	955.342.000	556.982.000	825.868.000	366.542.000	1.643.360.000	1.155.104.000	10.739.308.000	4.617.620.000	2.798.464.000
	- Hỗ trợ theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP		297.230.000	15.040.000	139.320.000	68.410.000	74.460.000								297.230.000	297.230.000	0
	- Hỗ trợ theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP		1.129.230.000	118.530.000	515.940.000	314.220.000	180.540.000								1.129.230.000	1.129.230.000	0
	- Nghị định 238/2025/NĐ-CP		4.017.000.000	61.000.000	839.000.000	363.000.000	210.000.000	18.000.000	581.000.000	355.000.000	228.000.000	243.000.000	920.000.000	199.000.000	4.017.000.000	1.473.000.000	1.119.000.000
	- Hỗ trợ học sinh bán trú, trường PTDT bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP (NSTW)		4.319.856.000	35.200.000	826.320.000	417.720.000	241.200.000	565.840.000	140.160.000	160.160.000	549.992.000	70.000.000	420.600.000	892.664.000	4.319.856.000	1.520.440.000	1.313.264.000
	- Hỗ trợ học sinh bán trú, trường PTDT bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP (NSDP)		113.000.000	4.000.000	64.000.000	23.000.000	22.000.000								113.000.000	113.000.000	0
	- Chính sách giáo dục với người khuyết tật		355.680.000			9.360.000	9.360.000	28.080.000	18.720.000	28.080.000	28.080.000	46.800.000	149.760.000	37.440.000	355.680.000	18.720.000	149.760.000
	- Kinh phí hỗ trợ thực hiện dạy và học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một		69.312.000					6.570.000	22.462.000	13.742.000	19.796.000	6.742.000			69.312.000	0	69.312.000
	- Mua sắm tài sản tập trung		438.000.000			33.000.000	33.000.000		193.000.000				153.000.000	26.000.000	438.000.000	66.000.000	193.000.000
3	Quỹ tiền thường	18	3.416.276.000	166.121.000	435.249.000	270.812.000	172.288.000	215.510.000	439.595.000	308.142.000	342.124.000	187.437.000	490.175.000	388.823.000	3.416.276.000	1.044.470.000	878.998.000
B	DỰ TOÁN GIỮ LẠI	28	99.000.000	6.000.000	14.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000	11.000.000	8.000.000	9.000.000	6.000.000	14.000.000	10.000.000	99.000.000	35.000.000	40.000.000

* Ghi chú: (1) Kinh phí điều chỉnh tăng đã bao gồm kinh phí của các đơn vị trước sáp nhập từ 01/01/2026 đến 31/12/2026 chưa thực hiện quyết toán năm 2026.

Số:1020 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 (đợt 6)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 123/2026/TT-BTC ngày 21/8/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống mục lục Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Tuần Giáo: Số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026; số 779/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 (đợt 4); số 822/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 về bổ sung dự toán chi thường xuyên đợt (5), dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Tuần Giáo tại Tờ trình số 284/TTr-PKT ngày 13/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026 (đợt 6), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh loại, khoản đã giao dự toán chi

Điều chỉnh loại, khoản đã giao dự toán chi cho Văn phòng HĐND và UBND xã Tuần Giáo tại Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 và Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND xã Tuần Giáo.

(Chi tiết như Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên

Điều chỉnh giảm dự toán chi đã giao cho các cơ quan, đơn vị do không thực hiện đề điều chỉnh tăng cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung, nhiệm vụ phát sinh; tổng kinh phí điều chỉnh là **176.178.000 đồng**.

(Chi tiết như Biểu số 02 kèm theo)

3. Bổ sung dự toán chi thường xuyên

Bổ sung dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị với tổng kinh phí **822.234.000 đồng** để thực hiện các nhiệm vụ, từ các nguồn chi thường xuyên đã giao dự toán chi đầu năm chưa phân bổ chi tiết tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuấn Giáo. Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục: 41.500.000 đồng.
- Sự nghiệp đào tạo: 597.000.000 đồng.
- Sự nghiệp kinh tế: 25.500.000 đồng.
- Chi khác ngân sách: 158.234.000 đồng.

(Chi tiết như Biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quảng Văn Cường

**BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 (ĐỢT 6)
TỪ NGUỒN DỰ TOÁN CHI ĐA GIAO ĐẦU NĂM CHƯA PHÂN BỐ**

(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Mã QHNS	Mã chương	Mã khoản	Mã nguồn	Số tiền
		Tổng số					822.234.000
I		Bổ sung kinh phí từ sự nghiệp giáo dục					41.500.000
1	Trường TH Tuấn Giáo	Tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo năm học 2025-2026 (Trường TH số 2 Tuấn Giáo, Trường TH số 1 Quài Nưa (cũ))	1097937	822	072	12	41.500.000
II		Bổ sung kinh phí từ sự nghiệp đào tạo					597.000.000
1	Văn phòng Đảng ủy	Đào tạo, bồi dưỡng cho CBCC	1143699	819	085	12	30.409.000
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Đào tạo cho CBCC	1143768	820	085	12	6.000.000
3	Văn phòng HĐND và UBND	Đào tạo cho CBCC	1143666	830	085	12	24.858.000
4	Phòng Kinh tế	Đào tạo cho CBCC	1143771	831	085	12	10.450.000
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đào tạo cho CBCC	1143769	833	085	12	12.429.000
6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Đào tạo cho CBCC	1172879	834	085	12	12.429.000
7	Trạm Y tế	Đào tạo cho CBCC	1173488	823	085	12	12.429.000
8	Phòng Văn hóa - Xã hội		1143772	832			487.996.000
		Đào tạo cho CBCC			085	12	12.429.000
		Đào tạo nghề cho lao động nông thôn			098	12	475.567.000
III		Bổ sung kinh phí từ sự nghiệp kinh tế					25.500.000
1	Phòng Kinh tế		1143771	831			25.500.000
		Mua bảo hiểm phòng cháy, chữa cháy chợ			321	12	5.500.000
		Kinh phí làm biển cấm, bảng nội quy công viên			312	12	20.000.000
IV		Bổ sung kinh phí từ chi khác ngân sách					158.234.000
1	Văn phòng Đảng ủy	Mua máy scan	1143699	819	351	12	64.914.000
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Kinh phí tổ chức ký kết Chương trình hoạt động kết nghĩa với Đồn biên phòng Na Cô Sa	1143768	820	361	12	28.000.000
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	Chi công tác phí và các chi phí khác cho 03 viên chức trưng tập làm nhiệm vụ tại đơn vị	1143772	832	341	12	30.000.000
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công		1143769	833			35.320.000
		Chi thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Điện Biên (Nghị quyết số 335/2014/NQ-HĐND)			341	12	10.120.000
		Hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND)			341	12	25.200.000

Số: 1032 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 66/2026/TT-BTC ngày 16/6/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 290/TTr-PKT ngày 17/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 3) cho các đơn vị để thực hiện Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ, với số tiền **908 triệu đồng** (Bằng chữ: Chín trăm linh tám triệu đồng), từ nguồn chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục đã giao dự toán đầu năm chưa phân bổ chi tiết tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo (sẽ hoàn trả ngân sách xã sau khi UBND tỉnh bổ sung kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương). Cụ thể:

1. Trường Mầm non Tuần Giáo: 274 triệu đồng (mã QHNS 1097887, mã chương 822, mã khoản 071, mã nguồn 13).

2. Trường Tiểu học Tuần Giáo: 376 triệu đồng (mã QHNS 1097937, mã chương 822, mã khoản 072, mã nguồn 13).

3. Trường THCS Tuấn Giáo: 258 triệu đồng (mã QHNS 1097939, mã chương 822, mã khoản 073, mã nguồn 13).

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 được giao bổ sung kinh phí chịu trách nhiệm:

- Về đối tượng, số liệu, hồ sơ đề xuất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí được bổ sung bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.
- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Kinh tế) trước ngày 15/11/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quàng Văn Cường

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị
để thực hiện chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đợt 3)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung kinh phí năm 2026 cho các xã, phường để thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung kinh phí năm 2026 cho các xã, phường để thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 291/TTr-PKT ngày 17/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đợt 3), với số tiền **3.909.590.834 đồng** (Ba tỷ chín trăm linh chín triệu năm trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi tư đồng) từ nguồn kinh phí cấp trên bổ sung. Cụ thể:

- Tại Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND tỉnh Điện Biên: 2.218.000.000 đồng.

- Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND tỉnh Điện Biên: 1.691.590.834 đồng.

(Chi tiết như biểu kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao theo các quy

định hiện hành của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện về phòng Kinh tế trước ngày **30/9/2026** để báo cáo Sở Tài chính, Sở Nội vụ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Trưởng phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực X; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quảng Văn Cường

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã QHNS	Mã chương	Mã khoản	Mã nguồn	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng					3.909.590.834	
1	Trường Tiểu học Tuần Giáo	1097937	822	072	12	945.372.538	
	Nguyễn Thị Phụng					208.928.538	Trường TH số 1 Quải Nưa (cũ)
	Nguyễn Văn Huy					736.444.000	Trường TH số 1 Tuần Giáo (cũ)
2	Trường THCS Tuần Giáo	1097939	822	073	12	431.385.096	
	Trần Thị Minh Huệ					431.385.096	Trường THCS Quải Cang (cũ)
3	Văn phòng HĐND-UBND	1143666	830			2.532.833.200	
	* Quản lý nhà nước			341	12	1.247.833.200	
	- Công chức					314.833.200	
	Tòng Văn Tế					314.833.200	
	- Trưởng thôn					933.000.000	
	Lò Văn Phong					76.000.000	
	Lò Văn Biên					86.000.000	
	Lường Văn Lai					120.000.000	
	Cà Văn Biên					98.000.000	
	Lò Văn Tại					96.000.000	
	Lò Văn Păng					121.000.000	
	Lò Văn Soan					112.000.000	
	Là Văn Tươi					122.000.000	
	Phạm Hữu Hằng					26.000.000	
	Nguyễn Thị Thêu					26.000.000	
	Nguyễn Như Cộng					26.000.000	
	Lò Văn Tươi					24.000.000	
	* Đảng (Bí thư thôn)			351	12	391.000.000	
	Lường Văn Thận					119.000.000	
	Quàng Văn Cường					96.000.000	
	Nguyễn Tiến Quế					24.000.000	
	Vi Viết Păng					24.000.000	
	Nguyễn Mạnh Cừ					24.000.000	
	Phạm Thị Uyển					26.000.000	
	Đỗ Đức Lợi					26.000.000	

	Hoàng Công Thê					26.000.000	
	Lò Văn Sôm					26.000.000	
	* Đoàn thể (Trưởng ban CTMT thôn)			361	12	894.000.000	
	Tòng Văn Khoản					80.000.000	
	Bạc Cẩm Văn					98.000.000	
	Lò Văn Ký					99.000.000	
	Lò Thị Dung					83.000.000	
	Lò Văn Thiết					77.000.000	
	Lò Văn Hường					110.000.000	
	Lò Văn Cương					95.000.000	
	Cà Thị Hòa					95.000.000	
	Là Văn Hoa					91.000.000	
	Phan Thị Xuân					24.000.000	
	Bạc Cẩm Tuyên					22.000.000	
	Quảng Văn Tiến					20.000.000	